TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày: 27-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Lâm Văn Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã B, thị xã HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.2 Chị Ngô Thị B, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2020, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, trình bày: Vào ngày 27/5/2010 anh Nguyễn Văn H cùng vợ là chị Ngô Thị B có đến đại lý thức ăn,

chăn nuôi Ngọc Q do bà làm chủ để mua phân, thuốc trừ sâu, dầu, việc mua bán nhiều lần, không nhớ rõ các lần mua bán chỉ nhớ anh H, chị B còn nợ lại bà số tiền 12.270.000đ. Sau đó, nhiều lần bà đến nhà anh H đòi tiền thì anh H, chị B hứa đến cuối vụ hè thu năm 2010 sẽ trả số tiền còn nợ nhưng đến hẹn thì anh H, chị B không trả tiền. Không nhớ ngày tháng năm anh H, chị B tiếp tục hứa trả dần số tiền còn nợ, hứa 01 tháng trả 2.000.000đ cho đến ngày 19/4/2011 thì trả hết nợ cho bà nhưng anh H, chị B vẫn không chịu trả tiền cho bà. Việc anh H, chị B nợ tiền và hứa trả tiền thì bà có làm hợp đồng mua bán vào ngày 27/5/2010 và một hợp đồng không có ghi ngày tháng năm. Nay yêu cầu anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B có trách nhiệm liên đới cho trả bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 12.270.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H, chị B vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020, bị đơn chị Ngô Thị B trình bày: chị là vợ anh Nguyễn Văn H, chị không biết năm sinh của mình, chỉ biết chị được 41 tuổi, cũng không có sổ hộ khẩu, không có giấy chứng minh nhân dân, vì chị từ Campuchia về, có chồng ở đây. Anh H hiện tại đang đi làm tại tỉnh Bình Dương. Không nhớ ngày tháng năm vợ chồng chị có mua vật tư nông nghiệp của bà Nguyễn Thị Q, chị không nhớ mua bao nhiêu lần, số lượng, cũng như giá tiền, sản phẩm, chỉ biết còn nợ bà Q số tiền là 12.270.000đ. Mỗi lần có tiền thì chị đưa cho anh H trả nợ nhưng anh H không trả nên mới còn nợ bà Q đến nay. Không nhớ ngày tháng năm bà Q có đưa cho vợ chồng chị giấy thừa nhận nợ và hứa trả mỗi tháng 1.000.000đ, chị và anh H có ký tên và lăng tay vào tờ giấy ghi nhận nợ đó. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ cho bà Q được. Hiện giờ anh H mới tìm được việc làm, khi nào ổn định sẽ trả sẽ trả dần cho bà Q, trả trước cho bà Q 2.000.000đ. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Ngô Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Q số tiền mua hàng còn nợ 12.270.000đ, vì tại biên bản lấy lời khai chị B đã thừa nhận nợ và thống nhất trả nợ cho bà Q.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Q yêu cầu anh Nguyễn Văn H và chị Ngô Thị B trả tiền mua hàng còn nợ và anh H, chị B hiện đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H, chị B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B có trách nhiệm liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 12.270.000đ là có căn cứ chấp nhận. Vì, chị Ngô Thị B đã thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng bà Q còn nợ 12.270.000đ và thống nhất trả tiền cho bà Q. Do anh H, chị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của người mua nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q, buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền mua hàng còn nợ là 12.270.000đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ chậm trả nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B chịu 613.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Q được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 307.000đ theo lai thu số 0001279 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 440, Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q.

Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Q tiền mua hàng còn nợ là 12.270.000đ (Mười hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Anh Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị B chịu 613.500đ (Sáu trăm mười ba nghìn năm trăm đồng).

2.2 Bà Nguyễn Thị Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 307.000đ (Ba trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001279 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung